



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	140001	BÙI LÂM THIÊN AN	Nam	09/09/2010	8.76	8.96	8.68	8.41	8.7	6.00	5.50	8.75	0.0	0.0	16.79	
2	140002	ĐÌNH NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	06/11/2010	5.43	6.86	7.21	6.83	6.58	3.00	4.75	3.75	0.0	0.0	10.02	
3	140003	NGUYỄN TẤN AN	Nam	23/08/2010	7.64	7.74	6.76	6.48	7.16	2.00	1.75	3.50	0.0	0.0	7.22	
4	140004	TRẦN NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	19/09/2010	7.43	7.59	7.29	6.78	7.27	5.50	2.50	3.75	0.0	0.0	10.41	
5	140005	CAO VĂN ĐỨC ANH	Nam	01/01/2010	8.01	8.2	7.4	6.59	7.55	5.00	3.50	3.00	0.0	0.0	10.32	
6	140006	LÊ HUỖNH TUẤN ANH	Nam	21/12/2009	7.05	7.03	7.09	6.95	7.03	4.25	2.50	2.75	0.0	0.0	8.76	
7	140007	LÊ THỊ TUYẾT ANH	Nữ	23/09/2010	7.66	7.69	7.35	7.39	7.52	5.25	5.25	4.75	0.0	0.0	12.93	
8	140008	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	18/02/2010	8.01	7.4	7.84	7.69	7.74	4.75	6.75	5.75	0.0	0.0	14.40	
9	140009	NGUYỄN HUỖNH NHƯ ANH	Nữ	20/01/2010	6.58	6.65	6.6	6.86	6.67	5.00	3.75	5.25	0.0	0.0	11.80	
10	140010	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	14/03/2010	7.2	8.06	7.84	7.24	7.59	3.75	1.25	3.75	0.0	0.0	8.40	
11	140011	NGUYỄN NGỌC KỶ ANH	Nữ	27/01/2010	6.91	7.05	6.7	6.76	6.86	4.25	5.25	3.75	0.0	0.0	11.33	
12	140012	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	Nữ	10/05/2010	8.74	8.86	8.9	8.39	8.72	5.75	7.00	4.75	0.0	0.0	14.87	
13	140013	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	24/03/2010	7.04	7.63	7.24	7.04	7.24	4.50	4.00	5.25	0.0	0.0	11.80	
14	140014	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG ANH	Nữ	24/02/2010	7.33	8.35	8.78	8.71	8.29	3.50	7.00	5.00	0.0	0.0	13.34	
15	140015	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	Nữ	02/07/2010	6.93	7.84	8.5	8.46	7.93	5.00	5.50	5.00	0.0	0.0	13.23	
16	140016	PHAN NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	04/08/2010	6.56	6.2	6.89	6.41	6.52	4.00	2.50	2.75	0.0	0.0	8.43	
17	140017	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	22/08/2010	6.71	7.33	7.61	7.49	7.29	5.75	5.00	5.25	0.0	0.0	13.39	
18	140018	VÕ TUẤN ANH	Nam	21/03/2010	5.99	5.96	5.98	6.59	6.13	2.25	1.00	2.25	0.0	0.0	5.69	
19	140019	NGUYỄN HOÀNG THIÊN ÂN	Nam	01/04/2010	6.19	7.3	6.9	5.85	6.56	1.75	1.50	2.25	0.0	0.0	5.82	
20	140020	TRẦN NGỌC THIÊN ÂN	Nữ	01/10/2010	9.36	9.18	8.84	8.54	8.98	7.17	6.00	7.00	0.0	0.0	16.81	
21	140021	LÂM THIÊN BẢO	Nam	13/05/2010	7.23	6.39	6.24	6.63	6.62	4.00	2.75	2.75	0.0	0.0	8.64	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	140022	LÊ QUỐC BẢO	Nam	06/11/2010	7.55	7.65	7.93	8.38	7.88	4.50	6.75	6.00	0.0	0.0	14.44	
23	140023	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	16/09/2010	7.31	6.91	7.96	7.54	7.43	6.00	3.50	1.50	0.0	0.0	9.93	
24	140024	NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	Nam	11/05/2010	7.7	8.24	8.69	8.75	8.35	4.00	7.00	7.00	0.0	0.0	15.11	
25	140025	TIÊU QUỐC BẢO	Nam	02/08/2010	7.41	6.94	6.85	7.64	7.21	5.50	5.75	4.50	0.0	0.0	13.19	
26	140026	TRƯƠNG QUỐC BẢO	Nam	14/02/2010	7.19	7.21	7.21	7.33	7.24	4.50	5.50	2.75	0.0	0.0	11.10	
27	140027	VŨ HOÀNG KHÁNH BĂNG	Nữ	27/01/2010	8.5	8.71	9.05	8.43	8.67	4.75	6.25	7.75	0.0	0.0	15.73	
28	140028	NGUYỄN NGỌC TÂM BÌNH	Nữ	11/04/2010	6.81	6.89	7.14	7.04	6.97	6.25	4.75	5.50	0.0	0.0	13.64	
29	140029	NGUYỄN NGỌC BÍCH	Nữ	15/05/2010	6.93	7.03	6.99	6.58	6.88	4.75	2.50	5.50	0.0	0.0	10.99	
30	140030	NGUYỄN TẤN BƠ	Nam	21/03/2010	7.68	7.89	8.66	8.53	8.19	5.50	3.00	4.25	0.0	0.0	11.38	
31	140031	NGUYỄN PHONG CẢNH	Nam	31/12/2010	7.05	6.53	7.01	7.43	7.01	5.50	1.25	3.25	1.0	0.0	10.10	
32	140032	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	21/03/2010	7.56	6.63	6.4	6.79	6.85	4.75	4.50	3.25	0.0	0.0	10.81	
33	140033	VÕ NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	15/11/2010	7.89	8.03	8.45	7.51	7.97	6.00	4.50	3.50	0.0	0.0	12.19	
34	140034	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	12/07/2010	7.56	7.96	8.18	7.74	7.86	7.00	3.50	3.75	0.0	0.0	12.33	
35	140035	BIỆN THÀNH DANH	Nam	15/06/2010	6.44	7.46	7.58	7.43	7.23	4.00	4.00	3.50	0.0	0.0	10.22	
36	140036	HUỲNH PHẠM MINH DÂN	Nam	27/04/2010	6	6.48	6.31	7.01	6.45	3.75	4.25	7.00	0.0	0.0	12.44	
37	140037	ĐỖ PHƯƠNG DIỄM	Nữ	21/12/2010	8.91	8.48	8.84	8.73	8.74	7.50	6.75	5.25	0.0	0.0	16.27	
38	140038	NGUYỄN HUỲNH KIỀU DIỄM	Nữ	29/09/2010	7.71	8.26	7.73	7.73	7.86	6.25	4.00	5.00	0.0	0.0	13.03	
39	140039	ĐÌNH THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	03/04/2010	8.11	7.64	7.78	7.35	7.72	3.75	4.50	6.00	0.0	0.0	12.29	
40	140040	ĐỖ THÚY DIỆP	Nữ	19/08/2010	6.71	7.56	7.71	7.54	7.38	4.25	2.50	4.75	0.0	0.0	10.26	
41	140041	TRẦN HUYỀN DIỆU	Nữ	03/02/2010	7.43	8.13	7.83	6.94	7.58	4.75	1.50	4.50	0.0	0.0	9.80	
42	140042	NGUYỄN THỊ KIỀU DUNG	Nữ	28/10/2010	6.13	7.29	7.65	7.4	7.12	4.00	5.25	2.25	0.0	0.0	10.19	
43	140043	HÀ THANH DUY	Nam	15/11/2010	8.76	7.7	6.99	6.83	7.57	4.25	4.25	3.00	0.0	0.0	10.32	
44	140044	HUỲNH THANH DUY	Nam	17/10/2010	6.96	6.08	6.65	6.7	6.6	3.75	1.50	3.25	0.0	0.0	7.93	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	140045	LÊ KHÁNH DUY	Nam	05/08/2010	7.01	7.26	7.81	7.41	7.37	4.25	5.75	5.00	0.0	0.0	12.71	
46	140046	LÊ NHẬT DUY	Nam	07/04/2010	7.63	7.06	6.75	6.94	7.1	2.00	0.00	3.75	0.0	0.0	6.16	Liệt
47	140047	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG DUY	Nam	19/12/2010	8.24	7.61	8.2	7.88	7.98	6.50	5.75	5.75	0.0	0.0	14.99	
48	140048	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	08/02/2010	8.68	8.7	8.73	8.9	8.75	6.00	6.00	7.25	0.0	0.0	16.10	
49	140049	LÊ TRÍ DŨNG	Nam	17/06/2010	7.54	8.16	8.26	8.38	8.09	6.75	5.50	3.50	0.0	0.0	13.45	
50	140050	NGUYỄN QUỲNH DƯ	Nữ	30/07/2010	8.08	8.36	7.86	8.26	8.14	5.50	6.25	7.00	0.0	0.0	15.57	
51	140051	PHAN THÀNH DƯ	Nam	28/07/2010	6.1	6.46	7.55	7.56	6.92	5.00	5.75	2.75	0.0	0.0	11.53	
52	140052	HOA HẢI DƯƠNG	Nam	28/05/2010	8.05	8.61	8.51	8.61	8.45	6.00	7.00	4.00	0.0	0.0	14.44	
53	140053	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	Nam	09/07/2010	7.88	7.98	7.89	8.01	7.94	3.75	6.25	5.00	0.0	0.0	12.88	
54	140054	PHAN NGỌC MINH ĐAN	Nữ	09/09/2010	8.1	8.74	8.36	7.68	8.22	4.25	6.25	7.00	0.0	0.0	14.72	
55	140055	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	Nam	14/03/2010	7.71	8.38	8.61	7.54	8.06	6.00	6.75	4.75	0.0	0.0	14.67	
56	140056	HOÀNG ĐỖ ĐẠT	Nam	07/03/2010	7.81	8.21	7.35	7.41	7.7	5.75	7.00	3.50	0.0	0.0	13.69	
57	140057	NGUYỄN QUỐC ANH ĐẠT	Nam	09/09/2010	5.54	7.46	7.7	7.75	7.11	3.50	6.00	4.75	0.0	0.0	12.11	
58	140058	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	29/04/2010	7.5	7.24	6.71	6.66	7.03	4.75	5.25	8.25	0.0	0.0	14.88	
59	140059	PHAN TIẾN ĐẠT	Nam	08/02/2010	7.9	7.39	6.66	5.71	6.92	4.25	4.00	3.50	0.0	0.0	10.30	
60	140060	VÕ PHÁT ĐẠT	Nam	02/08/2010	7.79	7.66	6.7	7.04	7.3	3.75	2.50	4.50	0.0	0.0	9.72	
61	140061	CAO HẢI ĐĂNG	Nam	05/09/2010	5.93	5.89	6.41	6.19	6.11	4.50	0.00	2.50	0.0	0.0	6.73	Liệt
62	140062	NGUYỄN MINH ĐĂNG	Nam	19/08/2010	7.98	7.95	7.53	7.66	7.78	5.25	4.50	4.25	0.0	0.0	12.13	
63	140063	NGUYỄN VŨ HẢI ĐĂNG	Nam	17/02/2010	6.84	7.38	7.18	7.15	7.14	5.50	4.50	6.25	0.0	0.0	13.52	
64	140064	NGUYỄN TRẦN QUỐC ĐƯỢC	Nam	25/04/2010	8.31	8.14	8.49	8.14	8.27	4.50	1.75	7.75	0.0	0.0	12.28	
65	140065	NGUYỄN HOÀNG GIANG	Nam	20/03/2010	7.98	7.71	7.63	7.08	7.6	4.25	4.25	2.25	0.0	0.0	9.81	
66	140066	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	20/08/2010	7.19	7.18	7.61	7.69	7.42	4.75	6.25	2.50	0.0	0.0	11.68	
67	140067	TRẦN TRƯỜNG GIANG	Nam	06/07/2010	5.91	5.79	5.64	5.95	5.82	3.00	1.25	2.50	0.0	0.0	6.47	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	140068	ĐỖ LÊ QUỐC HÀO	Nam	25/12/2010	5.55	5.91	6.38	6.69	6.13	2.25	1.00	4.25	0.0	0.0	7.09	
69	140069	HỒ NHỰT HÀO	Nam	27/08/2010	5.39	5.54	5.59	6.03	5.64	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.69	Liệt
70	140070	NGUYỄN NHẬT HÀO	Nam	22/12/2009	6.69	6.1	6.88	6.34	6.5	4.25	2.50	3.75	0.0	0.0	9.30	
71	140071	DƯƠNG MINH HẢI	Nam	20/06/2010	6.33	6.9	6.01	5.96	6.3	5.50	3.00	3.50	0.0	0.0	10.29	
72	140072	NGUYỄN MINH HẢI	Nam	01/12/2010	7.46	7.21	7.24	7.09	7.25	3.75	2.75	3.25	0.0	0.0	9.00	
73	140073	TRẦN HỒ THANH HẢI	Nam	25/04/2010	7.83	8.09	8.15	8.36	8.11	6.50	6.50	3.75	0.0	0.0	14.16	
74	140074	NGUYỄN NHẬT HẠC	Nam	22/04/2010	5.53	5.43	5.68	5.18	5.46	4.00	3.75	2.50	0.0	0.0	8.81	
75	140075	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	29/04/2010	7.79	7.89	8.39	8.69	8.19	5.75	6.50	4.75	0.0	0.0	14.36	
76	140076	TRẦN VÕ NGỌC HẠNH	Nữ	01/09/2010	5.7	6.39	7.14	7.56	6.7	4.83	6.00	1.75	0.0	0.0	10.82	
77	140077	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	17/09/2010	8.49	8.31	7.86	7.75	8.1	5.50	5.25	5.25	0.0	0.0	13.63	
78	140078	ĐỖ NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	30/12/2010	7.83	7.39	7.49	7.6	7.58	4.75	5.00	3.00	0.0	0.0	11.20	
79	140079	HÀ NGỌC HÂN	Nữ	21/01/2010	7.56	7.51	7.58	7.69	7.59	3.50	3.25	4.25	0.0	0.0	9.98	
80	140080	HÀ THỊ NGỌC HÂN	Nữ	09/02/2010	9.13	9.06	9.1	9.34	9.16	6.42	8.00	6.75	0.0	0.0	17.57	
81	140081	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	07/12/2010	6.85	6.98	7.36	7.55	7.19	5.50	6.50	3.00	0.0	0.0	12.66	
82	140082	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	19/12/2010	6.91	7.23	7.64	8.25	7.51	6.25	2.50	4.25	0.0	0.0	11.35	
83	140083	NGUYỄN ĐỨC HẬU	Nam	29/05/2010	7.76	7.85	8.19	7.49	7.82	5.50	6.25	3.50	0.0	0.0	13.02	
84	140084	NGUYỄN THÁI HẬU	Nữ	02/09/2010	8.13	8.03	8.11	7.49	7.94	6.00	4.50	3.00	0.0	0.0	11.83	
85	140085	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	12/01/2010	7.13	7.75	8.13	7.79	7.7	4.00	6.75	7.00	0.0	0.0	14.74	
86	140086	TRƯƠNG XUÂN HIẾU	Nam	22/02/2010	7.55	8.14	8.05	8.3	8.01	5.00	6.00	3.50	0.0	0.0	12.55	
87	140087	NGUYỄN THỊ KIM HOA	Nữ	06/02/2009	6.04	6.59	7.06	7.4	6.77	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.03	Liệt
88	140088	PHẠM TRỌNG HOÀNG	Nam	25/11/2010	6.16	6.18	5.9	5.83	6.02	3.25	3.50	3.25	0.0	0.0	8.81	
89	140089	YEH GIA HUỆ	Nữ	01/07/2010	7.45	8.16	8.05	8.28	7.99	4.25	6.50	5.75	1.0	0.0	14.95	
90	140090	DƯƠNG QUANG HUY	Nam	24/01/2010	8.06	8.26	8.45	7.78	8.14	6.75	6.75	9.25	0.0	0.0	18.37	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	140091	HUỖNH MINH HUY	Nam	29/07/2010	6.89	7.13	7.43	7.38	7.21	5.75	4.00	4.25	0.0	0.0	11.96	
92	140092	LÊ GIA HUY	Nam	08/11/2010	5.89	6.36	6.88	7.05	6.55	4.75	5.00	4.50	0.0	0.0	11.94	
93	140093	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	18/05/2010	6.96	7.59	7.74	7.74	7.51	6.25	5.75	3.25	0.0	0.0	12.93	
94	140094	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	11/07/2010	7.33	7.09	7.08	7.48	7.25	5.50	5.50	6.75	0.0	0.0	14.60	
95	140095	NGUYỄN TẤN HUY	Nam	15/05/2010	7.2	7.36	7.78	7.63	7.49	4.00	4.75	6.25	0.0	0.0	12.75	
96	140096	TRẦN BẢO HUY	Nam	15/07/2010	6.29	7.35	7.08	6.41	6.78	2.50	4.00	4.75	0.0	0.0	9.91	
97	140097	TRẦN GIA HUY	Nam	30/03/2010	5.96	5.84	6.3	6.45	6.14	2.75	3.50	3.00	0.0	0.0	8.32	
98	140098	VŨ QUỐC HUY	Nam	07/01/2010	8.08	8.38	8.49	8.25	8.3	6.50	5.50	6.50	0.0	0.0	15.44	
99	140099	NGUYỄN HUY HÙNG	Nam	15/01/2010	7.24	7.41	6.48	6.13	6.82	4.50	3.00	5.25	0.0	0.0	10.97	
100	140100	THÂN GIA HÙNG	Nam	16/12/2010	8.05	8.21	8.14	8.33	8.18	6.50	6.25	7.75	0.0	0.0	16.80	
101	140101	LƯƠNG NGỌC THANH HƯƠNG	Nữ	03/01/2010	7.4	7.91	7.75	7.36	7.61	4.75	2.75	4.25	0.0	0.0	10.51	
102	140102	NGUYỄN THỊ CẨM HƯƠNG	Nữ	12/06/2010	7.86	7.3	7.45	7.44	7.51	4.25	4.50	3.00	0.0	0.0	10.48	
103	140103	TRẦN HUỖNH HƯƠNG	Nữ	01/09/2010	6.26	6.96	6.63	6.78	6.66	3.50	2.50	4.00	0.0	0.0	9.00	
104	140104	HOÀNG DUY KHA	Nam	02/10/2010	6.68	7.2	7.68	7.81	7.34	5.75	5.25	3.25	0.0	0.0	12.18	
105	140105	LẠI VÕ MINH KHA	Nam	22/12/2009	6.91	7.49	7.43	6.91	7.19	4.75	4.00	4.25	0.0	0.0	11.26	
106	140106	LÂM HOÀNG KHA	Nam	11/12/2010	6.36	5.9	7.1	6.93	6.57	4.25	4.25	2.00	0.0	0.0	9.32	
107	140107	ĐẶNG HOÀNG KHANG	Nam	16/09/2010	7.58	8.38	8.2	8.18	8.09	4.50	4.25	7.25	0.0	0.0	13.63	
108	140108	HUỖNH BẢO KHANG	Nam	28/08/2010	7.19	8.2	8.2	8	7.9	5.25	8.00	7.00	0.0	0.0	16.55	
109	140109	HUỖNH LÊ VŨ KHANG	Nam	14/05/2008	5.74	5.78	6.46	6.25	6.06	2.25	3.50	2.50	0.0	0.0	7.59	
110	140110	NGUYỄN HOÀNG THIÊN KHANG	Nam	02/01/2010	8.8	9.14	9	8.44	8.85	7.25	6.50	9.00	0.0	0.0	18.58	
111	140111	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	28/09/2010	8.51	8.85	8.68	8.55	8.65	5.50	4.75	5.75	0.0	0.0	13.80	
112	140112	PHẠM MINH KHANG	Nam	25/02/2010	6.45	6.23	7.08	6.66	6.61	4.00	4.75	4.25	0.0	0.0	11.08	
113	140113	VÕ ANH KHANG	Nam	30/08/2010	5.49	5.63	6.25	6.2	5.89	3.25	2.25	2.25	0.0	0.0	7.19	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	140114	TRẦN TUẤN KHANH	Nam	03/01/2010	6.66	7.14	7.89	7.93	7.41	4.50	3.75	1.75	0.0	0.0	9.22	
115	140115	ĐINH HUỠNH GIA KHIÊM	Nam	18/07/2010	7.09	7.89	8.08	8.03	7.77	5.00	6.25	3.75	0.0	0.0	12.83	
116	140116	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	09/01/2010	6.76	7.18	7.8	7.65	7.35	6.00	4.50	3.50	0.0	0.0	12.01	
117	140117	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	23/03/2010	5.44	5.95	6.64	5.8	5.96	2.25	1.75	2.75	0.0	0.0	6.51	
118	140118	NGUYỄN LÊ ANH KHOA	Nam	29/03/2010	7.96	7.84	7.53	7.64	7.74	6.00	7.00	7.25	0.0	0.0	16.50	
119	140119	VŨ ĐĂNG KHOA	Nam	31/07/2010	7.2	7.69	8.34	7.38	7.65	5.50	5.25	4.00	0.0	0.0	12.62	
120	140120	NGUYỄN TUẤN KHÔI	Nam	07/07/2010	5.83	6.44	6.78	6.39	6.36	2.50	1.75	3.50	0.0	0.0	7.33	
121	140121	NGUYỄN NGỌC KHÔI	Nam	25/11/2010	7.08	7.13	7.28	7.53	7.26	6.25	5.50	3.00	0.0	0.0	12.50	
122	140122	HOÀNG GIA KIÊN	Nam	11/01/2010	6.51	6.43	6.96	6.66	6.64	4.25	2.50	8.50	0.0	0.0	12.67	
123	140123	TRẦN TRUNG KIÊN	Nam	08/01/2010	7.11	7.29	7.46	6.78	7.16	3.50	4.50	4.75	0.0	0.0	11.07	
124	140124	BÙI TUẤN KIẾT	Nam	25/01/2010	8.96	8.9	8.83	8.49	8.8	8.50	7.50	8.75	0.0	0.0	19.97	
125	140125	NGUYỄN HỮU KIẾT	Nam	06/10/2010	7.3	7.53	7.33	7.28	7.36	5.75	6.00	7.25	0.0	0.0	15.51	
126	140126	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	Nam	21/09/2010	8.51	8.38	8.49	8.15	8.38	5.75	6.75	7.00	0.0	0.0	16.16	
127	140127	NGUYỄN ÁI KIM	Nữ	01/11/2010	8.23	8.06	8.01	7.68	8	3.50	5.00	3.00	0.0	0.0	10.45	
128	140128	ĐỒNG NHÃ KỶ	Nữ	24/01/2010	8.34	8.46	8.76	8.71	8.57	6.25	5.50	5.25	0.0	0.0	14.47	
129	140129	LÊ VŨ NHẬT LAM	Nữ	25/05/2010	7.86	6.94	6.86	7	7.17	3.25	4.50	5.25	0.0	0.0	11.25	
130	140130	NGUYỄN TRẦN THÙY LÂM	Nữ	04/08/2010	7.9	7.84	7.85	7.83	7.86	5.00	4.50	3.75	0.0	0.0	11.63	
131	140131	TRẦN THÙY LÂM	Nữ	15/02/2010	8.23	8.86	9.04	8.84	8.74	5.25	7.00	7.50	0.0	0.0	16.45	
132	140132	NGUYỄN THỊ ÁNH LIÊN	Nữ	31/03/2010	6.06	7.3	7.15	6.69	6.8	4.00	2.00	2.75	0.0	0.0	8.17	
133	140133	ĐẶNG TRẦN GIA LINH	Nữ	01/05/2010	7.16	7.15	7.14	6.38	6.96	4.00	2.50	3.00	0.0	0.0	8.74	
134	140134	LÊ THỊ MỸ LINH	Nữ	09/03/2010	8.83	9.08	9.08	8.94	8.98	5.00	6.75	7.00	0.0	0.0	15.82	
135	140135	LƯU KHÁNH LINH	Nữ	16/03/2010	6.25	6.76	6.88	6.69	6.65	5.92	2.25	3.75	1.0	0.0	11.34	
136	140136	NGUYỄN THỊ MỸ LOAN	Nữ	29/01/2010	8.04	7.53	7.64	7.63	7.71	4.50	3.75	5.25	0.0	0.0	11.76	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	140137	PHẠM THỊ LOAN	Nữ	19/02/2010	7.85	8.6	8.89	8.53	8.47	5.25	6.50	3.25	0.0	0.0	13.04	
138	140138	MAI PHI LONG	Nam	03/08/2010	8.55	8.31	8.54	8.56	8.49	5.75	6.25	6.75	0.0	0.0	15.67	
139	140139	VŨ PHẠM TIẾN LONG	Nam	27/07/2010	6.08	6.16	6.9	6.99	6.53	4.50	4.25	3.00	0.0	0.0	10.18	
140	140140	LÊ VĂN LỘC	Nam	24/01/2010	6.7	6.3	6.84	6.75	6.65	5.00	1.25	2.50	0.0	0.0	8.12	
141	140141	NGUYỄN HIẾU LỘC	Nam	04/11/2010	7.05	7.31	7.3	7.04	7.18	4.25	1.50	3.25	0.0	0.0	8.45	
142	140142	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	17/02/2010	7.03	6.99	7.1	7.28	7.1	3.00	3.75	2.25	0.0	0.0	8.43	
143	140143	TRƯƠNG HUỲNH GIA LỘC	Nam	02/01/2010	9.26	9.06	9.01	8.79	9.03	7.00	9.00	6.75	0.0	0.0	18.63	
144	140144	HOÀNG NGUYỄN PHI LUÂN	Nam	06/07/2010	8.14	8.43	8.13	7.89	8.15	4.50	6.50	6.50	0.0	0.0	14.70	
145	140145	ĐỖ THỊ KIM LỰA	Nữ	19/10/2010	6.66	7.11	7.23	7.36	7.09	5.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.83	
146	140146	NGUYỄN THỊ CHÚC LY	Nữ	03/03/2010	7.99	8.3	7.9	7.69	7.97	6.75	5.75	5.50	0.0	0.0	14.99	
147	140147	LÊ NGUYỄN CÔNG LÝ	Nam	10/04/2010	7.44	7.34	7.45	6.89	7.28	4.50	2.75	2.75	0.0	0.0	9.18	
148	140148	LÊ VÕ MẾN	Nam	05/05/2010	7.15	8.59	8	7.4	7.79	4.50	4.50	4.25	0.0	0.0	11.61	
149	140149	NGUYỄN BẢO MINH	Nam	01/10/2010	5.96	6.86	6.73	6.53	6.52	4.75	3.75	3.75	0.0	0.0	10.53	
150	140150	VÕ TẤN MINH	Nam	05/11/2009	7.53	8.3	8.58	8.51	8.23	7.25	6.25	4.25	0.0	0.0	14.89	
151	140151	VŨ HOÀNG QUỐC MINH	Nam	09/01/2010	8.53	9.03	8.94	8.53	8.76	7.25	7.00	8.00	0.0	0.0	18.20	
152	140152	LÊ THẢO MY	Nữ	09/10/2010	6.2	6.56	6.59	6.29	6.41	3.00	0.00	1.75	0.0	0.0	5.25	Liệt
153	140153	NGÔ THỊ DIỄM MY	Nữ	08/12/2010	7.55	7.68	7.88	7.55	7.67	6.00	4.50	3.50	0.0	0.0	12.10	
154	140154	NGUYỄN HỒ ĐAN MY	Nữ	08/06/2010	6.98	7.8	8	7.95	7.68	6.25	4.00	3.00	0.0	0.0	11.58	
155	140155	NGUYỄN PHAN THẢO MY	Nữ	08/05/2010	7.14	7.84	7.71	7.41	7.53	6.00	4.75	3.00	0.0	0.0	11.88	
156	140156	TRẦN LƯƠNG THẢO MY	Nữ	14/11/2010	5.83	6.25	6.95	6.66	6.42	4.25	2.50	2.25	0.0	0.0	8.23	
157	140157	NGUYỄN THỊ MI NA	Nữ	13/08/2010	6.74	7.4	7.79	7.86	7.45	5.50	3.50	4.75	0.0	0.0	11.86	
158	140158	HÀ BẢO NAM	Nam	03/10/2010	6.76	6.13	7.14	7.13	6.79	5.50	4.50	3.75	0.0	0.0	11.66	
159	140159	HỒ BẢO NAM	Nam	13/05/2010	6.14	6.54	7.03	6.91	6.66	4.75	4.50	2.00	0.0	0.0	9.87	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	140160	HUỲNH BẢO NAM	Nam	23/11/2010	6.69	6.28	6.84	6.35	6.54	3.50	2.00	2.50	0.0	0.0	7.56	
161	140161	NGUYỄN NGỌC BẢO NAM	Nam	12/09/2009	6.66	5.98	6.7	7.04	6.6	6.25	6.00	3.50	0.0	0.0	13.01	
162	140162	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	20/04/2010	6.54	7.08	6.63	6.69	6.74	5.00	2.50	4.75	0.0	0.0	10.60	
163	140163	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	11/12/2010	7.24	7.85	7.86	8.13	7.77	5.75	6.50	5.75	0.0	0.0	14.93	
164	140164	HUỲNH NGỌC NGÀ	Nữ	03/11/2010	6.51	6.34	6.16	5.68	6.17	3.50	3.50	5.25	0.0	0.0	10.43	
165	140165	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ	Nữ	28/01/2010	8.49	8.55	7.93	7.63	8.15	8.00	7.50	5.75	0.0	0.0	17.32	
166	140166	LÊ MỸ NGÂN	Nữ	26/02/2010	7.45	7.48	7.55	7.39	7.47	4.75	4.50	3.00	0.0	0.0	10.82	
167	140167	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/04/2010	7.84	7.51	7.48	7.5	7.58	5.00	5.00	4.50	0.0	0.0	12.42	
168	140168	NGUYỄN THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	17/09/2010	7.56	7.95	7.74	7.95	7.8	5.50	5.50	4.00	0.0	0.0	12.84	
169	140169	PHAN THANH THỦY NGÂN	Nữ	24/01/2010	8.3	8.23	8.1	7.81	8.11	5.75	4.50	5.25	0.0	0.0	13.28	
170	140170	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	16/04/2010	6.46	6.26	6.4	6.68	6.45	3.75	1.00	3.25	0.0	0.0	7.54	
171	140171	HUỲNH KIM NGHI	Nữ	05/08/2010	7.14	8.35	8.43	8	7.98	3.75	5.50	4.50	1.0	0.0	13.02	
172	140172	LÊ PHƯƠNG NGHI	Nữ	27/06/2010	8.18	9.06	9.24	9.04	8.88	6.25	5.75	6.00	0.0	0.0	15.26	
173	140173	TRẦN TUYẾT NGHI	Nữ	15/11/2010	8.04	8.44	8.89	8.9	8.57	6.00	6.25	4.25	0.0	1.5	15.62	
174	140174	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	Nam	07/12/2010	5.78	5.45	6.64	6.05	5.98	3.75	2.25	3.25	0.0	0.0	8.27	
175	140175	ĐOÀN NGUYỄN BẢO NGỌC	Nam	28/04/2010	7.06	7.05	6.74	6.74	6.9	6.00	3.75	6.00	0.0	0.0	13.10	
176	140176	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	10/08/2010	7.86	7.83	8.44	7.83	7.99	7.00	6.50	2.75	0.0	0.0	13.77	
177	140177	NGUYỄN KIM NGỌC	Nữ	07/07/2010	8.18	8.06	8.54	8.4	8.3	3.50	4.75	3.50	0.0	0.0	10.72	
178	140178	NGUYỄN PHẠM THẢO NGỌC	Nữ	22/06/2010	7.79	7.9	8.26	7.91	7.97	5.75	6.25	6.00	0.0	0.0	14.99	
179	140179	NGUYỄN THẾ NGỌC	Nam	16/02/2010	6.21	6.66	7.34	7.03	6.81	4.25	2.75	3.75	0.0	0.0	9.57	
180	140180	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	05/08/2010	6.16	7.56	7.65	7.11	7.12	2.25	3.50	4.50	0.0	0.0	9.31	
181	140181	TRẦN MỘNG NGỌC	Nữ	16/05/2010	5.98	7.44	7.81	7.36	7.15	5.50	1.75	2.75	0.0	0.0	9.15	
182	140182	TỪ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	19/06/2010	6.53	6.1	5.96	6.31	6.23	3.75	5.75	2.75	0.0	0.0	10.44	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	140183	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	Nữ	08/05/2010	8.79	9.08	9.08	8.83	8.95	6.50	9.00	7.25	0.0	0.0	18.61	
184	140184	NGUYỄN THANH NGUYỄN	Nam	16/02/2010	6.75	6.23	7.4	7.75	7.03	5.00	5.25	4.75	0.0	0.0	12.61	
185	140185	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	09/01/2010	8.61	8.46	8.74	8.7	8.63	6.50	7.75	8.50	0.0	0.0	18.51	
186	140186	TRƯƠNG TRUNG NGUYỄN	Nam	12/10/2010	5.95	5.98	5.84	6.36	6.03	2.75	4.00	3.00	0.0	0.0	8.63	
187	140187	VÕ NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	21/09/2010	6.55	6.55	7.46	6.83	6.85	4.50	3.00	2.50	0.0	0.0	9.06	
188	140188	LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	09/07/2010	7.4	7.45	6.21	7.05	7.03	3.25	1.25	3.50	0.0	0.0	7.71	
189	140189	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	Nam	20/08/2009	8.23	8.11	7.96	7.45	7.94	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.38	Liệt
190	140190	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	11/04/2010	8.2	7.81	7.7	7.16	7.72	5.75	2.75	3.00	0.0	0.0	10.37	
191	140191	LÊ YẾN NHI	Nữ	06/09/2010	7.56	8.19	8.54	8.36	8.16	5.25	2.75	4.25	0.0	0.0	11.02	
192	140192	NGUYỄN THỊ NGỌC NHI	Nữ	12/12/2010	8.45	9.21	8.76	7.96	8.6	5.50	6.25	5.00	0.0	0.5	14.81	
193	140193	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	27/06/2010	5.95	5.93	7.16	6.81	6.46	2.75	2.00	2.00	0.0	0.0	6.66	
194	140194	DƯ NGỌC NHUNG	Nữ	07/11/2010	6.18	7.38	7.05	6.36	6.74	4.50	3.50	1.75	0.0	0.0	8.85	
195	140195	TRẦN NGỌC BẢO NHUNG	Nữ	17/07/2010	8.66	8.61	8.75	7.61	8.41	5.00	4.75	5.25	0.0	0.0	13.02	
196	140196	HOÀNG TÂM NHƯ	Nữ	13/11/2010	8.2	8.36	8.54	7.93	8.26	6.25	5.75	8.75	0.0	0.0	17.00	
197	140197	LÊ HỒNG NHƯ	Nữ	10/03/2010	6.31	7.29	7.28	6.81	6.92	5.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.78	
198	140198	PHẠM HUỲNH BẢO NHƯ	Nữ	11/06/2010	5.86	6.44	6.9	7.04	6.56	3.50	3.75	3.00	0.0	0.0	9.14	
199	140199	TRẦN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	02/01/2010	8.99	8.91	8.44	8.19	8.63	5.00	6.00	7.00	0.0	0.0	15.19	
200	140200	VÕ THỊ HÀ NHƯ	Nữ	16/10/2010	8.93	8.36	8.8	8.7	8.7	4.75	8.25	5.25	0.0	0.0	15.39	
201	140201	VÕ XUÂN NUY	Nữ	27/02/2010	7.91	8.4	8.49	7.76	8.14	5.50	6.25	3.25	0.0	0.0	12.94	
202	140202	BÙI THÀNH PHÁT	Nam	01/02/2010	6.73	6.74	7.35	7.43	7.06	4.50	2.00	3.50	0.0	0.0	9.12	
203	140203	LÊ PHÚC PHÁT	Nam	11/03/2010	7.4	7.5	8.53	7.91	7.84	5.25	6.25	5.75	1.0	0.0	15.43	
204	140204	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	22/11/2010	8.3	8.31	7.71	7.29	7.9	5.00	4.25	2.75	0.0	0.0	10.77	
205	140205	NGUYỄN THỊNH PHÁT	Nam	09/06/2010	5.96	7.25	7.25	7.03	6.87	4.25	3.25	6.25	0.0	0.0	11.69	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	140206	TRẦN TẤN PHÁT	Nam	09/04/2010	8.29	7.94	8.33	7.76	8.08	5.25	5.50	7.25	0.0	0.0	15.02	
207	140207	VÕ TẤN PHÁT	Nam	18/01/2010	8.15	8.26	7.85	7.23	7.87	2.67	4.00	3.75	0.0	0.0	9.66	
208	140208	VÕ THỊ HỒNG PHẤN	Nữ	21/03/2010	7.78	7.58	8.04	7.69	7.77	6.25	3.75	4.00	0.0	0.0	12.13	
209	140209	NGUYỄN PHI	Nam	16/02/2010	8.49	8.89	8.24	7.68	8.33	4.25	6.00	4.00	0.0	0.0	12.47	
210	140210	NGUYỄN THÁI MINH PHI	Nam	05/10/2010	8.99	8.56	8.84	8.65	8.76	5.50	7.25	6.25	0.0	0.0	15.93	
211	140211	ĐẶNG NGUYỄN CAO PHONG	Nam	01/08/2010	6.11	6.7	7	6.53	6.59	3.00	1.25	3.25	0.0	0.0	7.23	
212	140212	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	15/12/2009	6.55	6.89	6.3	6.66	6.6	3.25	3.00	3.50	0.0	0.0	8.81	
213	140213	NGUYỄN CHI PHÓN	Nam	04/08/2010	7.01	7.35	7.5	7.28	7.29	5.25	3.75	3.50	0.0	0.0	10.94	
214	140214	LÊ BÁ KỶ PHÙNG	Nam	12/11/2010	7.36	7.8	7.91	8.43	7.88	2.00	6.50	4.25	0.0	0.0	11.29	
215	140215	HOÀNG GIA PHÚC	Nam	15/05/2010	6.71	6.69	6.84	6.09	6.58	2.75	3.75	3.50	0.0	0.0	8.97	
216	140216	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	01/10/2010	6.63	6.31	6.73	7.51	6.8	3.50	5.50	5.25	0.0	0.0	12.02	
217	140217	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	09/12/2010	7.06	6.56	6.93	6.71	6.82	4.50	3.00	4.25	0.0	0.0	10.27	
218	140218	PHAN HOÀNG PHÚC	Nam	28/09/2010	5.59	6.4	7.26	6.58	6.46	3.25	5.75	5.00	0.0	0.0	11.74	
219	140219	ĐẶNG KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	22/10/2010	7.6	7.74	7.35	7.44	7.53	3.75	3.75	2.25	0.0	0.0	9.08	
220	140220	TRẦN NGỌC NHÃ PHƯƠNG	Nữ	27/09/2010	7.84	7.78	8.23	7.56	7.85	5.00	4.75	3.50	0.0	0.0	11.63	
221	140221	TRẦN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	19/11/2010	7.23	7.51	7.46	7.89	7.52	4.00	2.50	4.75	0.0	0.0	10.13	
222	140222	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	09/11/2010	6.43	6.84	7.14	6.39	6.7	4.25	3.50	4.75	0.0	0.0	10.76	
223	140223	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỚC	Nữ	26/07/2010	8	7.33	7.31	7.09	7.43	6.00	2.50	4.00	0.0	0.0	10.98	
224	140224	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	16/01/2010	5.34	6.05	6.26	6.71	6.09	5.25	7.25	3.50	0.0	0.0	13.03	
225	140225	TRẦN MINH QUÂN	Nam	07/09/2010	7.29	7.68	7.43	7.14	7.39	5.50	5.00	4.75	0.0	0.0	12.89	
226	140226	NGUYỄN NHÃ QUYÊN	Nữ	03/05/2010	7.78	8.06	8.08	7.78	7.93	4.75	3.75	5.25	0.0	0.0	12.00	
227	140227	VÕ THU QUYÊN	Nữ	21/09/2010	7.13	7.16	7.55	6.93	7.19	5.25	4.25	3.75	0.0	0.0	11.43	
228	140228	LÊ PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	17/03/2010	6.28	7.78	7.46	6.46	7	3.50	1.25	2.00	0.0	0.0	6.83	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	140229	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	19/03/2010	9.45	8.75	8.21	7.74	8.54	6.00	6.25	5.50	0.0	0.0	14.99	
230	140230	TRẦN NGỌC ĐIỂM QUỲNH	Nữ	25/03/2010	9.6	9.38	9.25	9.04	9.32	7.00	8.75	7.25	0.0	0.5	19.40	
231	140231	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	25/12/2010	9.34	9.08	9.21	8.9	9.13	6.50	6.50	6.00	0.0	0.0	16.04	
232	140232	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	14/12/2010	7.83	8.2	8.25	7.81	8.02	7.25	5.25	2.75	0.0	0.0	13.08	
233	140233	HÀ MINH QUÝ	Nam	09/04/2010	9.26	8.96	8.71	9.05	9	6.50	9.75	9.25	0.0	0.5	21.05	
234	140234	NGUYỄN THỊ KIM QUÝ	Nữ	10/04/2010	5.38	5.59	6.84	7.11	6.23	4.75	5.00	3.00	0.0	0.0	10.79	
235	140235	VÕ NGUYỄN SƯU RY	Nữ	29/03/2010	7.84	8.5	8.4	7.83	8.14	4.75	6.00	5.00	0.0	0.0	13.47	
236	140236	NGUYỄN THANH SƠN	Nam	03/12/2010	5.36	5.21	5.95	6.31	5.71	2.25	3.50	3.25	0.0	0.0	8.01	
237	140237	BÙI NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	09/06/2010	6.74	7.35	7.64	7.35	7.27	4.50	6.25	3.75	0.0	0.0	12.33	
238	140238	LÊ ĐỨC CHÍ TÀI	Nam	14/05/2010	8.76	8.13	8.38	7.68	8.24	5.25	5.25	5.50	0.0	1.0	14.67	
239	140239	KHA THỊ THU TÂM	Nữ	30/04/2010	6.61	7.14	7.39	7.86	7.25	5.50	3.75	6.75	0.0	0.0	13.38	
240	140240	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	18/03/2010	7.83	8.51	8.43	8.2	8.24	7.75	8.00	7.50	0.0	0.0	18.75	
241	140241	NGUYỄN MINH TÂY	Nam	10/03/2010	5.81	6.16	6.68	6.16	6.2	3.75	0.00	3.50	0.0	0.0	6.94	Liệt
242	140242	LÊ TRỌNG TẤN	Nam	20/02/2010	8.68	8.55	8.64	8.91	8.7	4.00	7.25	5.50	0.0	0.0	14.34	
243	140243	NGUYỄN MINH TẤN	Nam	08/06/2010	6.96	7.43	6.74	6.7	6.96	5.00	4.00	3.50	0.0	0.0	10.84	
244	140244	NGUYỄN LÊ QUỐC THÁI	Nam	04/02/2010	5.79	6.01	7.23	7.08	6.53	3.50	4.25	6.00	0.0	0.0	11.58	
245	140245	TRẦN NGUYỄN MINH THÁI	Nam	09/09/2010	6.48	7.84	7.91	8.08	7.58	6.50	7.00	7.00	0.0	0.0	16.62	
246	140246	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	31/07/2010	8.73	8.75	8.89	8.86	8.81	6.00	6.00	5.00	0.0	0.0	14.54	
247	140247	PHẠM NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	01/01/2010	7.08	6.9	7.28	6.56	6.96	4.25	4.25	4.00	0.0	0.0	10.84	
248	140248	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	Nữ	14/11/2010	6.79	7.63	7.56	7.75	7.43	5.75	4.25	2.75	0.0	0.0	11.15	
249	140249	BÙI XUÂN THẮNG	Nam	11/05/2010	7.79	7.99	8.16	7.8	7.94	4.75	5.75	4.00	0.0	0.0	12.53	
250	140250	NGUYỄN THỊ ĐÔNG THI	Nữ	11/02/2010	6.84	8.11	7.46	7.16	7.39	5.00	3.00	5.50	0.0	0.0	11.67	
251	140251	TRẦN MINH THI	Nữ	04/01/2010	6.81	7.39	7.86	8.25	7.58	4.00	5.50	3.25	0.0	0.0	11.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	140252	NGUYỄN HẢI THIÊN	Nam	25/08/2010	7.35	7.45	8.5	8.58	7.97	4.00	4.25	6.50	0.0	0.0	12.72	
253	140253	NGUYỄN LÊ CHÍ THIỆN	Nam	10/10/2010	6.49	5.9	6.63	6.34	6.34	3.75	3.50	1.25	0.0	0.0	7.85	
254	140254	NGUYỄN PHÚC THIỆN	Nam	02/11/2010	6.26	6.38	6.44	6.59	6.42	4.00	1.50	2.75	0.0	0.0	7.70	
255	140255	NGUYỄN PHƯỚC THIỆN	Nam	30/01/2010	6.53	7.18	7.05	6.64	6.85	6.00	4.00	4.50	0.0	0.0	12.21	
256	140256	LÊ ĐỨC THỊNH	Nam	20/11/2010	7.78	7.95	8.01	8.09	7.96	5.25	7.50	9.00	0.0	0.0	17.61	
257	140257	TRẦN QUỐC THỊNH	Nam	11/02/2010	7.31	7.93	7.64	7.34	7.56	4.75	5.25	5.75	0.0	0.0	13.29	
258	140258	MAI THUY KIM THOA	Nữ	19/03/2010	7.89	7.85	8.24	8.15	8.03	6.25	4.00	6.25	0.0	0.0	13.96	
259	140259	NGUYỄN THỊ KIM THOẠI	Nữ	29/09/2010	6.8	8.11	7.15	7.19	7.31	4.00	0.00	2.75	0.0	0.0	6.92	Liệt
260	140260	QUÁCH NGỌC BẢO THƠ	Nữ	21/01/2010	8.33	8.31	8.09	8.06	8.2	5.25	4.25	3.75	0.0	0.0	11.74	
261	140261	BÙI QUỐC THUẬN	Nam	05/01/2010	7.29	7.65	7.86	8.14	7.74	2.75	6.75	4.25	0.0	0.0	11.95	
262	140262	ĐỖ MINH THUẬN	Nam	05/08/2010	7.48	7.35	6.79	7.74	7.34	5.25	4.50	2.50	0.0	0.0	10.78	
263	140263	HỒ THANH THÙY	Nữ	15/04/2010	7.35	8.3	8.3	8.56	8.13	4.75	6.00	4.75	0.0	0.0	13.29	
264	140264	NGUYỄN MINH THÙY	Nữ	15/09/2010	7.3	7.33	7.3	7.56	7.37	2.75	3.50	2.75	0.0	0.0	8.51	
265	140265	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	Nữ	16/11/2010	5.88	6.4	6.31	6.23	6.21	2.75	1.25	2.75	0.0	0.0	6.59	
266	140266	LÊ THỊ THU THÙY	Nữ	02/04/2010	8.61	8.99	9.15	8.69	8.86	6.25	5.50	7.50	0.0	0.0	16.13	
267	140267	PHẠM TRƯƠNG NGỌC THỦY	Nữ	01/01/2010	8.16	7.99	8.31	7.86	8.08	6.75	7.00	6.50	0.0	0.0	16.60	
268	140268	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	22/09/2010	7.16	7.81	7.31	7.16	7.36	4.50	1.50	2.50	0.0	0.0	8.16	
269	140269	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	27/03/2010	7.23	8.3	7.7	7.64	7.72	4.50	5.00	4.75	0.0	0.0	12.29	
270	140270	NGUYỄN TRÀ ANH THƯ	Nữ	04/01/2010	8.54	8.29	8.56	8.05	8.36	6.25	3.75	3.50	0.0	0.0	11.96	
271	140271	NGUYỄN NGỌC ANH THY	Nữ	01/01/2010	6.64	6.13	7.23	7.16	6.79	5.50	2.50	2.50	0.0	0.0	9.39	
272	140272	TRẦN CAO BẢO THY	Nữ	25/12/2010	6.86	8.08	8	7.91	7.71	5.00	5.75	7.25	0.0	0.0	14.91	
273	140273	BÙI THỊ THÙY TIÊN	Nữ	16/05/2010	6.89	7.08	6.93	7.16	7.02	4.00	2.25	3.75	0.0	0.0	9.11	
274	140274	LÂM NGỌC CẨM TIÊN	Nữ	13/04/2010	9.29	8.69	8.94	8.56	8.87	6.75	3.50	3.50	0.0	0.0	12.29	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	140275	NGUYỄN NGỌC TIÊN	Nữ	02/09/2010	9.2	9.46	9.43	9.19	9.32	5.25	6.25	5.25	0.0	0.0	14.52	
276	140276	ĐỖ LÊ TIẾN	Nam	31/10/2010	6.11	6.28	6.38	6.69	6.37	4.50	2.50	3.75	0.0	0.0	9.44	
277	140277	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	25/05/2009	5.9	6.29	7.24	6.74	6.54	5.00	1.75	3.50	0.0	0.0	9.14	
278	140278	BÙI ĐỨC TÍNH	Nam	19/03/2010	6.84	6.93	7.49	7.28	7.14	3.75	5.75	5.00	0.0	0.0	12.29	
279	140279	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	10/05/2010	7.86	7.7	7.8	8.28	7.91	5.00	8.00	7.00	0.0	0.0	16.37	
280	140280	NGUYỄN KHẢ TOÀN	Nam	05/01/2010	6.09	7.19	7.66	7.89	7.21	3.50	6.25	6.25	0.0	0.0	13.36	
281	140281	TÔ THANH TOÀN	Nam	10/04/2010	6.58	6.23	6.71	6.15	6.42	2.50	1.75	3.75	0.0	0.0	7.53	
282	140282	CAO THUỶ TRANG	Nữ	13/05/2010	8.66	8.96	8.66	7.94	8.56	6.75	5.00	5.50	0.0	0.0	14.64	
283	140283	HỒ BẢO TRANG	Nữ	12/02/2010	8.64	7.96	7.96	7.68	8.06	5.75	5.50	4.00	0.0	0.0	13.09	
284	140284	LÊ THỊ THU TRANG	Nữ	28/04/2009	8.15	7.13	7.11	6.65	7.26	5.50	2.75	3.50	0.0	0.0	10.40	
285	140285	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	Nữ	24/10/2010	5.78	6.7	6.6	6.8	6.47	3.75	1.75	1.75	0.0	0.0	7.02	
286	140286	THIỀU THỊ THU TRANG	Nữ	05/11/2010	7.63	8.26	7.64	7.08	7.65	5.50	5.00	4.25	0.0	0.0	12.62	
287	140287	TRƯƠNG THỊ NGỌC TRANG	Nữ	24/02/2010	7.79	7.85	7.71	6.9	7.56	5.50	4.75	2.75	0.0	0.0	11.37	
288	140288	ĐOÀN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	21/01/2010	7.25	7.45	7.08	7.03	7.2	5.50	4.25	3.75	0.0	0.0	11.61	
289	140289	LÊ NGỌC TRÂM	Nữ	21/09/2010	6.11	6.95	7.13	6.89	6.77	3.25	4.00	3.50	0.0	0.0	9.56	
290	140290	LƯƠNG THUYỀN TRÂM	Nữ	14/05/2010	7.31	7.96	7.64	8.05	7.74	5.25	4.75	3.25	0.0	0.0	11.60	
291	140291	NGUYỄN PHẠM QUỲNH TRÂM	Nữ	06/07/2010	6.86	7.04	7.95	8.06	7.48	6.00	5.75	2.00	0.0	0.0	11.87	
292	140292	PHẠM NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	10/12/2009	6.3	7.09	7.18	6.93	6.88	6.00	5.00	4.25	0.0	0.0	12.74	
293	140293	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	20/11/2010	7.83	8.48	8.29	8.43	8.26	5.75	5.25	4.75	0.0	0.0	13.50	
294	140294	HUỲNH NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	03/08/2010	7.26	7.46	7.06	6.68	7.12	4.75	4.50	3.00	0.0	0.0	10.71	
295	140295	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂN	Nữ	01/03/2010	7.93	8.15	8.39	7.79	8.07	4.50	1.50	3.00	0.0	0.0	8.72	
296	140296	TRẦN LÝ MINH TRIẾT	Nam	23/12/2010	7.16	7.83	7.51	7.94	7.61	4.50	5.00	4.50	0.0	0.0	12.08	
297	140297	ĐỖ YẾN TRINH	Nữ	04/03/2010	7.26	7.43	7.39	7.85	7.48	5.25	3.75	4.25	0.0	0.0	11.52	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	140298	TRẦN THỊ HỒNG TRINH	Nữ	29/06/2010	6.48	7.19	7.55	7.66	7.22	5.00	3.50	4.00	1.0	0.0	11.92	
299	140299	NGUYỄN MINH TRỌNG	Nam	20/12/2010	6.64	7.4	7.4	6.76	7.05	4.50	7.50	2.75	0.0	0.0	12.44	
300	140300	NGUYỄN VŨ THÀNH TRUNG	Nam	16/02/2010	8.36	7.81	8.06	7.5	7.93	4.75	3.25	6.25	0.0	0.0	12.35	
301	140301	TRẦN TRÍ THIỆN TRUNG	Nam	12/08/2010	8.24	8.11	7.66	6.81	7.71	4.25	3.75	5.25	0.0	0.0	11.59	
302	140302	LÊ THỊ THANH TRÚC	Nữ	30/11/2010	7.7	8.28	8.7	8.8	8.37	4.50	8.25	6.50	0.0	0.0	15.99	
303	140303	LƯƠNG THỊ NGỌC TRÚC	Nữ	05/05/2010	7.61	8.34	8.38	8.44	8.19	6.25	4.50	4.50	0.0	0.0	13.13	
304	140304	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	Nữ	26/07/2010	7.53	7.51	8.14	7.21	7.6	6.75	2.25	4.00	0.0	0.0	11.38	
305	140305	NGUYỄN THỊ NHÃ TRÚC	Nữ	03/02/2010	7.59	7.36	7.14	7.18	7.32	3.75	2.50	3.25	0.0	0.0	8.85	
306	140306	TRẦN THỊ HỒ TRÚC	Nữ	09/05/2010	7.16	6.11	7.31	7.41	7	3.25	5.50	3.50	0.0	0.0	10.68	
307	140307	VŨ THỊ THANH TRÚC	Nữ	22/01/2010	8.6	8.39	8.48	7.66	8.28	4.75	4.50	4.00	0.0	0.0	11.76	
308	140308	LÊ QUANG TRƯỜNG	Nam	19/05/2010	7.65	8.39	8.33	7.54	7.98	5.25	5.75	4.50	0.0	0.0	13.24	
309	140309	NGUYỄN LÂM TRƯỜNG	Nam	15/10/2010	7.2	8.06	8.21	8.25	7.93	5.25	5.00	1.25	0.0	0.0	10.43	
310	140310	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	Nam	08/10/2010	5.58	6.41	6.49	5.81	6.07	2.25	1.75	2.50	0.0	0.0	6.37	
311	140311	NGUYỄN HOÀNG TRUNG TRỰC	Nam	14/03/2010	7.2	7.64	7.08	6.71	7.16	4.00	4.00	6.50	0.0	0.0	12.30	
312	140312	THÁI NGUYỄN HOÀNG TUẤN	Nam	12/12/2010	7.65	7.44	7.5	8	7.65	4.50	5.25	7.50	0.0	0.0	14.37	
313	140313	MANG NHƯ TUYÊN	Nữ	23/06/2010	7.66	7.95	8	8.05	7.92	6.00	5.50	3.25	0.0	0.0	12.70	
314	140314	LÊ TRƯƠNG CẨM TÚ	Nữ	05/05/2010	7.45	7.59	8.06	7.94	7.76	5.75	5.50	3.75	0.0	0.0	12.83	
315	140315	ĐỖ NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	13/11/2010	8.23	8.1	8.53	8.06	8.23	6.42	7.00	8.00	0.0	0.0	17.46	
316	140316	HUỲNH TRẦN LAM TƯỜNG	Nữ	25/01/2010	7.65	8.43	8.24	7.64	7.99	6.00	4.50	5.75	0.0	0.0	13.77	
317	140317	HOÀNG THUY UYÊN	Nữ	12/07/2010	5.5	6.25	5.8	5.68	5.81	3.75	2.50	5.00	0.0	0.0	9.62	
318	140318	LÊ NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	08/07/2010	7.38	7.39	7.45	7.9	7.53	4.50	6.00	4.75	0.0	0.0	12.93	
319	140319	NGUYỄN HOÀNG MỸ UYÊN	Nữ	30/06/2010	7.71	8.06	7.45	6.53	7.44	5.25	4.25	2.25	0.0	0.0	10.46	
320	140320	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	17/01/2010	8.55	8.48	8.51	8.21	8.44	6.00	5.00	6.75	0.0	0.0	14.96	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	140321	LÊ VĂN VÀNG	Nam	18/02/2010	5.53	5.74	6.13	6.6	6	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.80	Liệt
322	140322	LÊ CÔNG VĂN	Nam	14/09/2010	7.88	7.75	7.68	7.21	7.63	5.25	3.75	7.00	0.0	0.0	13.49	
323	140323	NGUYỄN THANH VÂN	Nữ	08/12/2010	8.41	8.66	8.7	8.51	8.57	6.50	8.00	5.75	0.0	0.0	16.75	
324	140324	TRẦN PHƯỚC VỆ	Nam	21/07/2010	5.79	6.31	6.6	6.84	6.39	3.00	3.50	4.25	0.0	0.0	9.44	
325	140325	NGUYỄN TƯỜNG VI	Nam	10/07/2010	5.7	5.58	6.8	6.35	6.11	2.75	0.00	2.50	0.0	0.0	5.51	Liệt
326	140326	TRẦN HOA KHÁNH VI	Nữ	14/01/2010	7.49	7.38	7.36	8.25	7.62	6.50	5.25	4.50	0.0	0.0	13.66	
327	140327	DƯƠNG QUANG VINH	Nam	16/10/2010	7.55	7.18	7.13	6.88	7.19	4.00	2.25	4.25	0.0	0.0	9.51	
328	140328	MAI HOÀNG VINH	Nam	24/05/2010	7.04	8.35	8.05	7.74	7.8	6.75	4.25	5.25	0.0	0.0	13.72	
329	140329	TRẦN CHÍ VINH	Nam	11/09/2010	6.05	6.34	6.8	7.03	6.56	5.50	3.25	4.75	0.0	0.0	11.42	
330	140330	TRẦN CÔNG VINH	Nam	07/10/2010	7.99	8.18	7.63	7.39	7.8	4.25	2.50	3.25	0.0	0.0	9.34	
331	140331	TRẦN ĐẠI VĨ	Nam	24/02/2010	6.76	7.75	7.9	8.24	7.66	4.50	7.00	4.50	0.0	0.0	13.50	
332	140332	TRẦN VĂN THẾ VĨ	Nam	15/01/2010	7.81	7.31	7.89	8.09	7.78	3.75	6.50	4.75	0.0	0.0	12.83	
333	140333	NGUYỄN ANH VŨ	Nam	10/09/2010	8.53	8.34	7.03	6.15	7.51	4.00	3.00	2.25	0.0	0.0	8.73	
334	140334	ĐỒNG THỊ THẢO VY	Nữ	14/11/2010	9.04	9.2	8.71	8.98	8.98	6.75	8.00	7.75	0.0	0.0	18.44	
335	140335	GIANG VÕ THANH VY	Nữ	08/11/2010	7.08	6.84	7.45	7.38	7.19	3.75	4.00	3.00	0.0	0.0	9.68	
336	140336	NGUYỄN HOÀNG VY	Nữ	11/08/2010	7.33	8.58	9.06	8.85	8.46	5.50	8.25	7.75	0.0	0.0	17.59	
337	140337	NGUYỄN HOÀNG MINH VY	Nữ	27/01/2010	7.44	8.03	7.9	8.08	7.86	6.50	5.25	6.00	0.0	0.0	14.78	
338	140338	NGUYỄN NGỌC YẾN VY	Nữ	28/11/2010	6.31	6.8	7.06	6.36	6.63	4.00	3.50	4.00	0.0	0.0	10.04	
339	140339	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	02/01/2010	6.3	6.63	6.93	7.45	6.83	4.00	3.00	3.50	0.0	0.0	9.40	
340	140340	NGUYỄN TRẦN NGỌC TUYẾT VY	Nữ	25/05/2010	7.04	7.01	7.2	7.08	7.08	5.25	2.50	3.00	0.0	0.0	9.65	
341	140341	NGUYỄN TRẦN THẢO VY	Nữ	07/03/2010	7.29	7.69	7.46	7.3	7.44	3.25	3.25	3.50	0.0	0.0	9.23	
342	140342	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	21/03/2010	8.08	8.49	7.99	8.15	8.18	4.75	6.75	4.25	0.0	0.0	13.48	
343	140343	PHẠM NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	16/04/2010	6.66	7.14	7.58	7.26	7.16	5.00	2.50	5.50	0.0	0.0	11.25	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN CHÂU THÀNH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
344	140344	TRẦN NGỌC KHÁNH VY	Nữ	20/07/2010	9.24	9.15	8.81	8.44	8.91	7.50	6.00	6.50	0.0	0.0	16.67	
345	140345	TRƯƠNG NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	21/05/2010	8.58	8.51	8.61	8.39	8.52	5.25	5.50	7.50	0.0	0.0	15.33	
346	140346	LÊ HỒNG XUÂN	Nữ	01/01/2010	6.85	6.76	6.73	7.15	6.87	3.50	4.25	3.25	0.0	0.0	9.76	
347	140347	TRẦN MINH YÊN	Nam	21/12/2010	7.75	7.76	8.24	8.51	8.07	5.00	7.00	6.25	0.0	0.0	15.20	
348	140348	NGUYỄN NGỌC YẾN	Nữ	09/05/2010	6.2	6.35	6.78	6.95	6.57	1.50	2.00	1.25	0.0	0.0	5.30	
349	140349	NGUYỄN NGỌC YẾN	Nữ	17/12/2010	6.94	8.49	7.54	6.88	7.46	6.50	3.50	2.75	0.0	0.0	11.16	
350	140350	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	29/11/2010	7.11	7.89	8.3	8.13	7.86	6.00	4.00	7.25	0.0	0.0	14.43	
351	140351	HUỲNH THỊ NHƯ Ý	Nữ	29/03/2010	7.28	7.45	6.74	7.39	7.22	4.58	1.00	3.75	0.0	0.0	8.70	
352	140352	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	18/03/2010	6.56	6.76	7.26	7.6	7.05	6.25	6.25	3.50	0.0	0.0	13.32	
353	140353	NGUYỄN VĂN THÀNH Ý	Nam	31/01/2010	6.4	6.34	6.39	6.18	6.33	3.00	0.25	4.50	0.0	0.0	7.32	Liệt

Danh sách này có 353 thí sinh/

Cán bộ in

Phan Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm

Nguyễn Trung

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng